

**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE
AND RURAL DEVELOPMENT**

Số/No: *11193* /NHNo-KDVTT

V/v CBTT thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng
Re: Information disclosure on the announcement of
Public Offering of Bonds

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Hà Nội, ngày *01* tháng 7 năm 2026
Hanoi, July *01*, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

To: - *The State Securities Commission;*
- *The Vietnam Stock Exchange;*
- *The Hanoi Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức/Name of organization: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM/VIETNAM BANK FOR AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT.

- Mã chứng khoán/Stock Code: VBA

- Địa chỉ/Address: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam/No.02 Lang Ha Road, Giang Vo Ward, Hanoi, Vietnam.

- Điện thoại/Tel.: (+84-4)37724621 Fax: (+84-4)38313717-38313719

- Email: *headoffice@agribank.com.vn*

- Website: *http://www.agribank.com.vn*

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) công bố thông tin Thông báo số 11193/NHNo-KDVTT ngày 01/7/2026 về chào bán trái phiếu ra công chúng của Agribank năm 2026 như đính kèm.

Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development (Agribank) hereby discloses information on Notice No.11193/NHNo-KDVTT dated July 01, 2026 regarding the Public Offering of Agribank's Bonds in 2026, as attached.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Agribank vào ngày 01/7/2026 tại đường dẫn: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/cong-bo-thong-tin>.

This information was published on Agribank's website on July 01, 2026, as in the link: <https://www.agribank.com.vn/vn/ve-agribank/cong-bo-thong-tin>.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Nơi nhận/Recipients (IOffice);

- Như trên/*As regards*;
- Hội đồng thành viên/*Board of Directors* (để b/c/to report);
- Tổng Giám đốc/*General Director* (để b/c/to report);
- Ban Kiểm soát/*Supervisory Board*;
- Lưu/*Archived*: VP, KDVT. (6M) *ba*

TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
P.P. LEGAL REPRESENTATIVE
DEPUTY GENERAL DIRECTOR



Đoàn Ngọc Lưu



Số: 11193 /NHNo-KDVT

Hà Nội, ngày 1 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

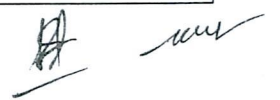
Chào bán trái phiếu ra công chúng

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
số 299/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/06/2026)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
 - Tên viết tắt: AGRIBANK
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - Số điện thoại: 024. 3772 2773 Số fax: 024. 3831 4069 Website: www.agribank.com.vn
 - Vốn điều lệ: 51.638.603 triệu đồng (tại thời điểm 31/03/2026 theo BCTC hợp nhất Quý I/2026).
 - Mã cổ phiếu (nếu có): Không có.
 - Nơi mở tài khoản thanh toán: Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước - Số hiệu tài khoản: 153184.
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp: 0100686174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/02/2004, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 11/01/2024.
- Ngành nghề kinh doanh chính:

STT	Tên ngành
1	Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2	Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; e) Bao thanh toán trong nước.
3	Mở tài khoản cho khách hàng



STT	Tên ngành
4	Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
5	Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
6	Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
7	Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
8	Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
9	Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
10	Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
11	Dịch vụ môi giới tiền tệ.
12	Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
13	Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
15	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
16	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.
18	Lưu ký chứng khoán.

STT	Tên ngành
19	Kinh doanh mua, bán vàng miếng.
20	Mua nợ.

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

+ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng cá nhân: tiền gửi; tín dụng; dịch vụ thanh toán; dịch vụ ngân hàng điện tử; thẻ; dịch vụ chuyển tiền ngoại tệ cá nhân và kiều hối; dịch vụ liên kết ngân hàng – bảo hiểm – chứng khoán, liên kết khác.

+ Sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp: nhóm sản phẩm huy động vốn; tín dụng khách hàng pháp nhân; dịch vụ thanh toán trong nước; thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại; mua bán ngoại tệ; thẻ; dịch vụ ngân hàng điện tử; dịch vụ ngân quỹ và quản lý tiền tệ; dịch vụ liên kết khác.

9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại số 24/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 26/5/2021; Quyết định số 651/QĐ-TTGSNH1 ngày 04/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Quyết định số 1756/QĐ-QLGS2 ngày 25/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

II. Mục đích chào bán

Mục đích phát hành Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026 để:

- Tăng vốn cấp 2 để đáp ứng các tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động của Agribank theo quy định.
- Tăng quy mô vốn hoạt động, đáp ứng nhu cầu cho vay nền kinh tế.

III. Phương án chào bán

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026.
2. Loại trái phiếu: Là trái phiếu không chuyển đổi, không được đảm bảo bằng tài sản của Agribank, không kèm chứng quyền, thỏa mãn các điều kiện để được tính vào vốn cấp 2 theo các quy định hiện hành của pháp luật.
3. Mã trái phiếu trước khi niêm yết: AGRIBANK263601.
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng/trái phiếu.
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 150.000.000 trái phiếu.
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 15.000.000.000.000 đồng.
7. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu

8. Lãi suất: Là lãi suất thả nổi, tính theo tỷ lệ phần trăm trên năm (%/năm) và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Lãi suất Trái phiếu} = \text{LSTC} + \text{biên độ}$$

Trong đó:

- LSTC: là lãi suất tham chiếu dùng để xác định lãi suất cho mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, kỳ hạn 12 tháng, trả lãi cuối kỳ (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) NHTM Việt Nam bao gồm: BIDV, Vietinbank, Agribank và Vietcombank tại ngày xác định lãi suất. Để làm rõ, lãi suất trái phiếu, nếu không phải số nguyên, sẽ được làm tròn đến hai chữ số ở phần thập phân.
- Biên độ: **2,0%/năm**
- Nếu Agribank không mua lại vào ngày thực hiện quyền mua lại, biên độ = **2,5%/năm** áp dụng trong 05 năm cuối.
- **Ngày Xác Định Lãi suất:** là ngày Agribank ban hành Thông báo chào bán trái phiếu ra công chúng đối với kỳ tính lãi đầu tiên và Ngày Làm Việc thứ 7 (bảy) trước Ngày Bắt Đầu Tính Lãi của mỗi Kỳ Tính Lãi.

9. Kỳ hạn trái phiếu: 10 năm (mười năm).

10. Kỳ trả lãi: Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ 01 (một) năm trả một lần vào “**Ngày Thanh Toán Lãi**” là mỗi ngày tròn năm kể từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn Trái Phiếu, riêng tiền lãi cho Kỳ Thanh Toán Lãi cuối cùng của Trái Phiếu sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc trái phiếu vào ngày đáo hạn. Nếu Trái Phiếu được Tổ Chức Phát Hành mua lại vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì Ngày Thanh Toán Lãi kỳ cuối cùng của Trái Phiếu và tiền lãi của kỳ đó sẽ được thanh toán cùng với tiền gốc Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại.

11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho nhà đầu tư tại Trụ sở chính, các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Agribank trên phạm vi toàn quốc và thông qua Đại lý phát hành – là Công ty cổ phần Chứng khoán Agribank.



12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: 01 trái phiếu.

13. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ ngày **10/7/2026** đến ngày **31/7/2026**.

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

- Tại Tổ Chức Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh/PGD trên toàn quốc của Tổ Chức Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh/PGD được đăng tải tại <https://www.agribank.com.vn/>.
- Tại Đại lý Phát Hành: Nhà Đầu Tư đăng ký mua Trái Phiếu trực tiếp tại Trụ sở chính và các Chi nhánh trên toàn quốc của Đại Lý Phát Hành. Chi tiết địa chỉ các Chi nhánh đăng tải tại <https://www.agriseco.com.vn/>.

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: Từ ngày **10/7/2026** đến ngày **31/7/2026**.

HÀ
NG
T T
3 TI
T N
HÀ

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu
- Số tài khoản: 1220983668.
 - Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.
17. Các điều khoản về chuyển đổi trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu chuyển đổi, nêu thời hạn, tỷ lệ chuyển đổi*): Không có.
18. Các điều khoản đối với chứng quyền kèm theo trái phiếu (*trường hợp chào bán trái phiếu kèm chứng quyền, nêu thời hạn, tỷ lệ thực hiện quyền, giá cổ phiếu thực hiện chứng quyền*): Không có.
19. Các thông tin liên quan đến trái phiếu có bảo đảm (*trường hợp chào bán trái phiếu có bảo đảm, nêu hình thức, giá trị, phương thức bảo đảm*): Không có.
20. Địa điểm công bố Bản cáo bạch:
- Bản cáo bạch chào bán Trái phiếu Agribank phát hành ra công chúng năm 2026 và các tài liệu khác có liên quan được đăng tải trên trang thông tin điện tử chính thức của Agribank theo đường dẫn: <https://www.agribank.com.vn/>; Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank theo đường dẫn: <https://www.agriseco.com.vn/>; và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đường dẫn: <https://hnx.vn/vi-vn/>.

IV. Các tổ chức liên quan

1. Tổ chức tư vấn phát hành, Đại lý phát hành

Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank

Trụ sở chính: Tầng 5, Tòa nhà Green Diamond, số 93 Láng Hạ, Phường Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 024. 6276 2666

Fax: 024. 6276 5666

2. Tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính

Công ty TNHH KPMG

Địa chỉ: Tầng 46 Tòa tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Tòa nhà 72, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 3946 1600

Fax: 024. 3946 1601

3. Đại diện người sở hữu trái phiếu

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84) 24 38181888

Fax: (84) 24 38181688

(6MT) *brau*

TU. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *mm*

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐOÀN NGỌC LƯU

Hanoi, July 1, 2026

**NOTICE
Public Bond Offering**

*(Public Bond Offering Registration Certificate No. 299/GCN-UBCK issued by
the Chairperson of the State Securities Commission on June 25, 2026)*

I. Introduction of Issuer

1. Issuer (*full name*): Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development
 2. Abbreviated name: AGRIBANK
 3. Headquarter: No. 02 Lang Ha Street, Giang Vo Ward, Hanoi City, Vietnam.
 4. Phone number: 024. 3772 2773 Fax Number: 024. 3831 4069 Website:
www.agribank.com.vn
 5. Charter Capital: 51.638.603 million VND (as of March 31, 2026 according to consolidated financial statement Q1/2026).
 6. Stock symbol (*if applicable*): None.
 7. Payment Account Location: Transaction Office of the State Bank of Vietnam – Account number: 153184.
 8. Business Registration Certificate: Enterprise code 0100686174 issued by Hanoi Department of Planning and Investment, originally issued on February 26, 2024, last amended the 15th time on January 11, 2024.
- Primary business activities:

No	Business lines
1	Receiving demand deposits, time deposits, savings deposits, and other types of deposits.
2	Provision of credit in the following forms: a) Granting loans; b) Discounting and rediscounting negotiable instruments and other valuable papers; c) Issuing bank guarantees; d) Issuing credit cards; e) Domestic factoring.
3	Opening accounts for customers
4	Provision of domestic payment services, including: a) Providing payment instruments;

Jon

No	Business lines
	b) Providing payment services relating to cheques, payment orders, payment authorizations, collection orders, collection authorizations, letters of credit, bank cards, collection services and payment services.
5	Opening accounts: a) Opening accounts with State Bank of Vietnam; b) Opening accounts with other credit institutions and foreign bank branches.
6	Organizing internal payment systems and participating in the national interbank payment system.
7	Providing cash management, banking and financial advisory services, asset management and safekeeping services, and safe deposit box services.
8	Corporate financial advisory, M&A and investment advisory services.
9	Participating in the auction, purchase and sale of Treasury bills, negotiable instruments, Government bonds, State Bank of Vietnam bills and other valuable papers in the market.
10	Purchasing and selling Government bonds and corporate bonds.
11	Money brokerage services.
12	Issuing certificates of deposit, promissory notes, bills and bonds to mobilize capital according to the Law on Credit Institutions, the Law on Securities, Government regulations and State Bank of Vietnam's guidance.
13	Central bank financing through refinancing facilities in accordance with the State Bank of Vietnam Law and State Bank of Vietnam's guidance.
14	Borrowing, lending, placing and receiving deposits from credit institutions, foreign bank branches, domestic and foreign financial institutions in accordance with regulations and State Bank of Vietnam's guidance.
15	Capital contributions and share acquisitions in accordance with applicable laws and State Bank of Vietnam's guidance.
16	Trustee, trust receipt, and agency services in fields related to banking operations, insurance business, and asset management in accordance with applicable regulations and State Bank of Vietnam's guidance.
17	Trading and providing foreign exchange services in domestic and international markets within the permitted scope by the State Bank of Vietnam.

No	Business lines
18	Securities depository services.
19	Trading physical gold.
20	Debt purchase.

- Main products/services:

- + Products and services for individual customers: deposits; credit; payment services; e-banking services; cards; personal remittance and exchange services; integrated banking - insurance - securities services, other related services.
- + Products and services for corporate customers: capital mobilization products; corporate credit; domestic payment services; international payments and trade financing; foreign exchange transaction; cards; e-banking services; treasury and money management; other related services.

9. Operating license (*if applicable, according to regulations*):

Commercial Bank Operating License no. 24/GP-NHNN issued by the Governor of the State Bank of Vietnam on 26/5/2021; Decision no. 651/QĐ-TTGSNH1 on 04/10/2024 by the State Bank of Vietnam on modifying the operating license of the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development and Decision No. 1756/QĐ-QLGS2 dated July 25, 2025 of the State Bank of Vietnam on amending the Establishment and Operation License of the Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development.

II. Purpose of Bond Offering

Purposes of Agribank's Public Bond Issuance in 2026:

- Increasing tier 2 capital to meet Agribank's regulatory capital adequacy ratios.
- Increasing operational capital to meet the lending demands of the economy.

III. Bond Offering Plan

1. Bond name: Agribank Public Offering Bond 2026
2. Bond type: Non-convertible bond, unsecured by Agribank assets, without warrants, satisfying all conditions to be qualified as Tier 2 under applicable laws and regulations.
3. Bond code prior to listing: AGRIBANK263601.
4. Par value: 100.000 VND/bond.
5. Total quantity: 150.000.000 bonds.
6. Total par value: 15.000.000.000.000 VND.
7. Offering price: 100.000 VND/bond

8. Interest rate: Floating rate (% per annum) and is calculated as:

$$\text{Bond Interest Rate} = \text{Reference rate} + \text{Spread}$$

Where:

- Reference rate: Calculated as the average of the VND interest rates applicable to 12-month individual savings deposits with interest payable at maturity (or the interest rates for an equivalent term), as published on the official websites of four (4) Vietnamese commercial banks: BIDV, Vietinbank, Agribank and Vietcombank, on the Interest Rate Determination Date. To avoid confusion, it shall be rounded to two (2) decimal places.
- Spread: **2,0%/year**
- If Agribank does not exercise the call option, spread = **2,5%/year** is applied in the last 05 years.
- **Interest Rate Determination Date:** The date Agribank issues the public offering announcement for the first interest period and the 7th business day before the Interest Calculation Start Date for each subsequent period.

9. Term: 10 years (ten years).

10. Interest Payment Period: Interest on the Bonds shall be paid in arrears on an annual basis, once every (1) year on the “**Interest Payment Date**”, being each anniversary of the Issue Date up to and including the Maturity Date. Interest for the final Interest Payment Period shall be paid together with the principal amount of the Bonds on the Maturity Date. If the Bonds are redeemed by the Issuer on the Call Exercise Date, the Interest Payment Date for the final Interest Payment Period and the interest accrued for such period shall be paid together with the principal amount of the Bonds on the Call Exercise Date.

11. Distribution Method: Direct sales to investors at Agribank’s headquarter, branches, and nationwide transaction offices, and through the distribution agent – Agribank Securities Corporation (Agriseco).

12. Minimum purchase amount: 01 bond.

13. Registration period: From **July 10, 2026** to **July 31, 2026**.

14. Locations:

- At the Issuer: Agribank’s Head Office and Agribank’s nationwide branches/transaction offices. Detailed addresses of the branches/transaction offices are available at <https://www.agribank.com.vn/>.
- At the Placement Agent: Investors may register to purchase Bonds directly at the Placement Agent’s Head Office and its branches nationwide. Detailed addresses of the branches are posted at <https://www.agriseco.com.vn/>.

15. Timeframe for receiving bond purchase payments: From **July 10, 2026** to **July 31, 2026**.

16. Blocked account for bond purchase payments

- Account number: 1220983668.
- Opened at: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Ha Thanh Branch.

17. Bond Conversion terms (*in the case of convertible bonds, the term of the bonds and the conversion ratio shall be specified.*): None.

18. Terms for warrants attached to bonds (*in the case of an offering of bonds with warrants, the term of the bonds, the warrant exercise ratio, and the warrant exercise price shall be specified.*): None.

19. Information regarding secured bonds (*in case of secured bond offering, specify the form, value, and method of security*): None.

20. Prospectus Publication Locations:

The Prospectus for Agribank's public bond offering in 2026 and other related documents are published on Agribank's official website at the following link: <https://www.agribank.com.vn/>; Agribank Securities Joint Stock Company (Agriseco) at the following link: <https://www.agriseco.com.vn/>; and The Hanoi Stock Exchange at the following link: <https://hnx.vn/vi-vn/>.

IV. Related Parties

**1. Issuance Advisory Organization, Placement Agent
Agribank Securities Joint Stock Company (Agriseco)**

Headquarter: Floor 5, Green Diamond Building, No. 93 Lang Ha Street, Dong Da Ward, Hanoi

Phone number: 024. 6276 2666

Fax: 024. 6276 5666

**2. Financial Statement Audit Organization
KPMG Vietnam Company Limited**

Address: Floor 46 Keangnam Tower, Hanoi Landmark Tower, Building 72, Yen Hoa Ward, Hanoi.

Phone number: 024. 3946 1600

Fax: 024. 3946 1601

3. Bondholder's Representative

Saigon - Hanoi Securities Joint Stock Company

Address: Floor 1-5, Unimex Hanoi Tower, No. 41 Ngo Quyen Street, Cua Nam Ward, Hanoi

Phone number: (84) 24 38181888

Fax: (84) 24 38181688

**p.p. LEGAL REPRESENTATIVE DEPUTY
GENERAL DIRECTOR**

(Signed and sealed)

DOAN NGOC LUU

